

Giám sát rủi ro của hệ thống ngân hàng bắt nguồn từ chu kỳ kinh tế trên cơ sở lập trình tài chính

TS. NGUYỄN ĐỨC TRUNG - ThS. LÊ HOÀNG QUÂN

Vụ Dự báo, Thống kê - NHNNVN

Nhằm hạn chế ảnh hưởng tiêu cực do tính chu kỳ của nền kinh tế, nhất là trong giai đoạn khủng hoảng, cũng như tăng cường khả năng hấp thụ những cú sốc kinh tế của hệ thống ngân hàng thương mại (NHTM), giảm nguy cơ đổ vỡ hàng loạt trong hệ thống tài chính và nền kinh tế quốc gia nói chung, ủy ban Basel đã nghiên cứu và đưa ra những quy định về “tám đệm phòng rủi ro” (gọi tắt là “tám đệm phòng rủi ro chu kỳ”). Tuy nhiên, yêu cầu về “tám đệm phòng rủi ro chu kỳ” sẽ làm gia tăng tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu, vì vậy, việc thực hiện đối mặt với nhiều khó khăn do phản ứng của các NHTM. Trước thực tiễn trên, một số quốc gia đã đưa ra những phương án thay thế. Trường hợp điển hình và có tính khả thi rất cao là của Ngân hàng Trung ương (NHTW) Thái Lan (BOT), với việc đưa ra phương án thay thế thông qua việc giám sát tỷ lệ Tín dụng/GDP thay cho việc áp dụng “tám đệm phòng rủi ro chu kỳ” như khuyến nghị của Basel III.

Nghiên cứu của chúng tôi sẽ hướng tới trình bày ý nghĩa của chỉ số tín dụng/GDP và mô phỏng quy trình thực hiện giám sát rủi ro của hệ thống ngân hàng bắt nguồn từ tính chu kỳ kinh tế trên cơ sở lập trình tài chính.

Từ khóa: *tám đệm phòng rủi ro chu kỳ, tỷ lệ tín dụng/GDP, lập trình tài chính.*

Dẫn nhập

Trên thực tế, nền kinh tế thường có tính chu kỳ với lần

lượt các giai đoạn phục hồi, tăng trưởng, bão hòa và suy thoái. Một trong những nhân tố làm suy yếu khả năng phục hồi sau cuộc khủng hoảng là do sự khuếch đại cú sốc tài chính diễn ra trong hệ thống ngân hàng cũng như trong toàn bộ nền kinh tế. Do doanh số các khoản vay liên tục gia tăng, nếu bong bóng giá tài sản bị vỡ hoặc nền kinh tế rơi vào suy thoái, chất lượng các khoản cho vay sẽ nhanh chóng sụt giảm. Thiếu hụt dòng tiền từ thu hồi nợ khiến vấn đề trầm trọng hơn, đẩy nền kinh tế thực chìm sâu hơn với sự sụt giảm giá trị tài sản và tỷ lệ nợ xấu gia tăng. Những ảnh hưởng trên đòi hỏi hệ thống ngân hàng cần bổ sung thêm vốn tự có để phòng chống rủi ro trong những giai đoạn trên. Việc tăng trưởng tín dụng quá mức của hệ thống NHTM thời kỳ tăng trưởng đã làm trầm trọng hơn giai đoạn suy thoái như những gì toàn thế giới chứng kiến trong cuộc khủng hoảng tài chính tại Mỹ năm 2007. Xu thế đưa ra quyết định phụ thuộc vào chu kỳ kinh tế của các nhân tố tham gia thị

trường được bổ sung bởi các tiêu chuẩn hạch toán tài sản theo giá thị trường, các khoản cho vay đảo hạn và sự hình thành đòn bẩy tài chính giữa các tổ chức tài chính, công ty, người tiêu dùng. Nhằm hạn chế tình trạng tương tự xảy ra trong tương lai cũng như tăng cường khả năng hấp thụ những cú sốc kinh tế của hệ thống NHTM và giảm nguy cơ đổ vỡ hàng loạt trong hệ thống tài chính và nền kinh tế quốc gia nói chung, ủy ban Basel đã nghiên cứu và đưa ra những quy định về “tầm đệm phòng rủi ro” cho ảnh hưởng có tính chu kỳ của nền kinh tế (sau đây gọi tắt là “tầm đệm phòng rủi ro chu kỳ”).

Cơ sở của đề xuất bắt nguồn từ nghịch lý rằng tồn tại rất nhiều NHTM hoạt động kém hiệu quả với những khoản nợ xấu lớn và tài sản mất giá trị từ cuộc khủng hoảng vẫn duy trì mức phân phối cổ tức lớn cho cổ đông, do vậy, các NHTM này cần phân phối lại nguồn vốn và các khoản thu nhập cũng như xử lý các khoản nợ xấu. “Tầm đệm phòng rủi ro chu kỳ” phải đáp ứng các yếu tố sau: (i) Ngân hàng Trung ương (NHTW) theo dõi tốc độ tăng trưởng tín dụng và các chỉ số khác báo hiệu sự hình thành rủi ro của toàn hệ thống cũng như thực hiện đánh giá rủi ro của việc tăng trưởng tín dụng quá mức. Dựa trên đánh giá này, cơ quan có thẩm quyền có thể xác định yêu cầu tối thiểu về tầm đệm rủi ro và có thể thay đổi tỷ lệ phụ thuộc

vào mức độ rủi ro cao hay thấp; (ii) Các NHTM xem xét phân bổ rủi ro tín dụng từng khu vực và tính toán “tầm đệm phòng rủi ro chu kỳ”.

Theo Basel III, yêu cầu về “tầm đệm phòng rủi ro chu kỳ” sẽ làm gia tăng tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu. Theo đó, NHTM sẽ bị giới hạn khả năng hoạt động nếu không đáp ứng được yêu cầu tối thiểu này. Trên thực tế, “Tầm đệm phòng rủi ro chu kỳ” không chỉ bảo vệ hệ thống ngân hàng khỏi những khoản thua lỗ do tăng trưởng cho vay quá mức trong giai đoạn kinh tế bình thường mà còn đảm bảo các khoản dự phòng sẵn sàng trong suốt thời kỳ căng thẳng. Điều quan trọng hơn, với quy định này, khi các khoản tín dụng được bổ sung với tốc độ nhanh, “tầm đệm phòng rủi ro chu kỳ” có thể làm tăng chi phí tín dụng và có tác dụng giống như một “cái phanh” đối với các khoản cho vay của ngân hàng. Ngược lại, trong giai đoạn kinh tế suy thoái, các NHTM có thể mở rộng tín dụng đáp ứng các nhu cầu của thị trường. Với những yêu cầu trên, Basel III đưa ra mức “tầm đệm phòng rủi ro chu kỳ” trong khoảng từ 0-2,5% tài sản rủi ro, tính thêm vào mức an toàn vốn tối thiểu của từng ngân hàng tùy thuộc vào từng chu kỳ của kinh tế. Yêu cầu này sẽ được tăng lên khi những yếu tố rủi ro hệ thống có xu hướng tăng và ngược lại, giảm bớt khi những yếu tố rủi ro hệ thống có xu hướng giảm.

Để các ngân hàng có thời gian điều chỉnh vốn tự có, NHTW sẽ phải công bố trước các quy định về yêu cầu liên quan đến tầm đệm chống rủi ro chu kỳ trước 12 tháng. Rõ ràng, mục đích của “tầm đệm phòng rủi ro chu kỳ” là để duy trì dòng chảy của tín dụng trong nền kinh tế một cách hợp lý và cân đối chu kỳ kinh doanh mà không gây tổn thương cho sự tăng trưởng. Như vậy, đây thực sự là một trong những đột phá quan trọng nhất của Basel III.

Tuy nhiên, trong quá trình áp dụng Basel III tại nhiều quốc gia từ năm 2013 đến nay, phát kiến trên đã gặp nhiều trở ngại trong thực tế triển khai. Ngay cả với các quốc gia có nền tảng tốt nhất, việc thực hiện đối mặt với nhiều khó khăn do phản ứng của các NHTM, đặc biệt là các NHTM nước ngoài tham gia vào thị trường tài chính của quốc gia áp dụng khi tính đến lợi thế so sánh với các quốc gia khác. Điều này chưa kể đến những thách thức khi một nền kinh tế dựa vào ngân hàng mà thị trường tài chính tương đối kém phát triển. Theo đó, việc gia tăng yêu cầu với tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu sẽ ngay lập tức ảnh hưởng đến tổng lượng tín dụng cho nền kinh tế và từ đó, ảnh hưởng trực tiếp đến tăng trưởng kinh tế trong bối cảnh toàn cầu đang phải đối mặt với tình trạng giảm phát. Trước thực tiễn trên, một số quốc gia đã đưa ra những phương án thay thế. Trường hợp điển

hình và có tính khả thi rất cao là của NHTW Thái Lan (BOT). Cụ thể, BOT đưa ra phương án thay thế thông qua việc giám sát tỷ lệ *Tín dụng/GDP* thay cho việc áp dụng “tám đệm phòng rủi ro chu kỳ” như khuyến nghị của Basel III. Như, BOT đã lựa chọn chính sách trong việc áp dụng Basel III dựa trên những lợi ích và khả năng hiện có, điều này là rất quan trọng đối với các cơ quan chức năng để chọn các công cụ khác nhau phù hợp cho những hoàn cảnh khác nhau.

Nghiên cứu của chúng tôi sẽ hướng tới trình bày ý nghĩa của chỉ số *tín dụng/GDP* và mô phỏng quy trình thực hiện giám sát rủi ro của hệ thống ngân hàng bắt nguồn từ tính chu kỳ kinh tế trên cơ sở lập trình tài chính.

1. Ý nghĩa của chỉ số *tín dụng trên GDP* và quy trình thực hiện giám sát

1.1. Ý nghĩa của chỉ số *tín dụng/GDP*

Theo nhiều quan điểm, *tín dụng* được coi là tăng trưởng “nóng” khi tỷ lệ *tín dụng/GDP* lớn hơn 100%. Tình trạng này có thể là kết quả của quá trình tăng trưởng *tín dụng* quá nhanh ở một số ngành nghề có tính đầu cơ cao như bất động sản, chứng khoán... và có thể đem đến sự bất ổn cho toàn bộ nền kinh tế. Tuy nhiên, trên thực tế, khi kinh tế đang ở pha tăng trưởng hưng thịnh, tỷ lệ *tín dụng/GDP* ở mức cao hơn 100% vẫn có thể là hoàn toàn bình thường. Như vậy, để có

câu trả lời chính xác và đầy đủ cho tỷ lệ *tín dụng/GDP*, những người làm chính sách cần xác định tổng *tín dụng* cho nền kinh tế trong mối quan hệ với các cân đối vĩ mô như tăng trưởng kinh tế, lạm phát, ngân sách nhà nước cũng như cán cân thanh toán quốc tế. Giải pháp hữu hiệu để xử lý vấn đề trên là sử dụng phương pháp lập trình tài chính (LTTTC) để đảm bảo cân đối *tín dụng* từ khu vực tiền tệ- ngân hàng với khu vực kinh tế thực, khu vực công và khu vực đối ngoại (cán cân thanh toán). Đây là công cụ đáng tin cậy và phù hợp với điều kiện thống kê của nền kinh tế Việt Nam.

1.2. Quy trình triển khai giám sát

Để thực hiện việc giám sát an toàn hệ thống NHTM trước rủi ro có tính chu kỳ của nền kinh tế thông qua *tỷ lệ tín dụng/GDP*, nhóm tác giả đề xuất quy trình cụ thể như sau:

Bước 1: Dự báo tăng trưởng GDP, mức bội chi ngân sách, lạm phát, tỷ giá thông qua các mô hình kinh tế lượng;
Bước 2: Nhập các dữ liệu dự báo vào phần mềm LTTTC;
Bước 3: Tính kết quả cho tỷ lệ *Tín dụng/GDP* mục tiêu;
Bước 4: Theo dõi tỷ lệ *tín dụng/GDP*, từ đó phân bổ hạn mức tăng trưởng *tín dụng* cho các NHTM;
Bước 5: Thay đổi, cập nhật số liệu đầu vào cũng như phương pháp tính định kỳ 6 tháng để xác định lại *tín dụng/GDP* mục tiêu.

2. Cơ sở của việc xác định

tín dụng

Cơ sở của việc xác định *tín dụng* theo các biến số vĩ mô bắt nguồn từ 6 cân đối vĩ mô lớn của nền kinh tế. Cụ thể như sau:

(i) Mối quan hệ giữa GDP và tổng phương tiện thanh toán M2: $GDP = M2 \times V$ (1)

Trong đó: GDP là tổng sản phẩm quốc nội theo giá hiện hành (GDP danh nghĩa);

M2 là tổng phương tiện thanh toán;

V là vòng quay tiền tệ.

(ii) Mối quan hệ giữa tăng trưởng tổng phương tiện thanh toán và tăng trưởng *tín dụng* trong nước: $M2 = NFA + DC + OINm$ (2)

Trong đó: NFA là tài sản nước ngoài ròng;

DC là *tín dụng* trong nước;

OINm là các tài sản ròng khác.

Từ (1) và (2) ta có:

$GDP = (NFA + DC + OINm) \times V$

Hay $DC = GDP/V - NFA + OINm$ (3)

Mặt khác, với *tín dụng* trong nước ta có

$DC = NDCg + DCp$ (4)

Trong đó: NDCg là cho vay Chính phủ ròng;

DCp là *tín dụng* cho vay nền kinh tế.

Cho vay Chính phủ ròng (NDCg) thực chất là đầu tư của tổ chức *tín dụng* (TCTD) vào trái phiếu Chính phủ. Với tỷ trọng đầu tư trên 80% khối lượng trái phiếu Chính phủ phát hành hàng năm thì cho vay Chính phủ ròng là nguồn bù đắp chủ yếu cho hoạt động

Bảng 1. Kết quả lập trình tài chính theo kịch bản đầu vào năm 2015

	2014	2015
Kịch bản đầu vào		
Tăng trưởng GDP	5,8%	6,2%
Lạm phát	2%	3%
Thâm hụt NSNN/GDP	5,30%	5%
Cán cân thanh toán tổng thể	11,2 tỷ USD	5 tỷ USD
Kết quả tính toán bằng LTTC		
Tổng phương tiện thanh toán (M2)	17,4%	16,5%
Trong đó:		
Tài sản có nước ngoài ròng	32,2%	19,5%
Cho vay chính phủ ròng	33,2%	22,0%
Tín dụng cho nền kinh tế	13,1%	14,3%

tài chính Nhà nước, trong đó có thâm hụt ngân sách Nhà nước. Như vậy, thâm hụt ngân sách Nhà nước tăng lên sẽ làm tăng cho vay Chính phủ ròng của hệ thống TCTD. Do đó, ta

có thể minh họa mối quan hệ này dưới dạng tuyến tính như sau:

$$NDC_g = c \times BD \quad (5)$$
 Trong đó: c là tham số BD là thâm hụt ngân sách nhà

nước
 Kết hợp (3), (4) và (5) ta có:

$$GDP = (NFA + c.BD + DC_p + OIN_m) \times V \quad (6)$$
 Do đó ta có tăng trưởng tín dụng

$$\Delta DC_p = \Delta GDP/V - \Delta OIN_m - \Delta NFA - c. \Delta BD$$
 và tỷ lệ tín dụng/GDP

$$\Delta DC_p / GDP = 1/V - (OIN_m - NFA - c. BD)/GDP$$
 Như vậy, tín dụng được xác định trong mô hình này đảm bảo phù hợp với tốc độ tăng trưởng kinh tế, diễn biến của lạm phát, ngân sách cũng như vấn đề đối ngoại và tỷ giá hối đoái của một quốc gia.

xem tiếp trang 40

Bảng 2. Kết quả lập trình tài chính theo thực tế nền kinh tế 6 tháng đầu năm

Kịch bản	TD 2014	TT 2015 ^f	TD 2015 ^f	GDP 2014	TT GDP 2015 ^f	GDP 2015 ^f	TD/GDP 2015 ^f
1	3.970.361	14,30%	4.538.123	3.937.856	6,20%	4.182.003	108,52%
2	3.970.361	17,00%	4.645.322	3.937.856	6,40%	4.189.879	110,87%

SUMMARY

Banking risk supervision from bussiness cycle based on financial programming

With the aim of restraining the negative effect from business cycle, especially, in recession period; strengthening the ability of banking system to absorb with economic shocks and weakening the crash probability in financing system as well as national economy, Basel Committee on Banking Supervision had conducted related researches and decided to imply the “countercyclical capital buffer”. However, the demand of “countercyclical capital buffer” can increase the minimum capital adequacy ratio regulation faced by the reaction of banks. On above situations, some countries gave out alternatives as in the case of Thailand, banking supervisors try to manage the pro-cyclicality with the credit-on-GDP ratio, rather than apply “countercyclical capital buffer” along with Basel Committee’s recommendation.

Our research will direct to the signification of the credit-on-GDP ratio and imitate the execution process of risk supervision on banking system from business cycle based on financial programming.

THÔNG TIN TÁC GIẢ

Nguyễn Đức Trung, Tiến sỹ

Đơn vị công tác: Vụ Dự báo, Thống kê- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Lĩnh vực nghiên cứu chính: Kinh tế vĩ mô- tiền tệ- ngân hàng

Tạp chí tiêu biểu đã có bài viết đăng tải: Tạp chí Khoa học và Đào tạo Ngân hàng; Tạp chí Ngân hàng

Email: ndtrunghvnh@gmail.com

Lê Hoàng Quân, Thạc sỹ



ngày 02/05/2001 và Nghị định số 65/2005/NĐ-CP ngày 19/05/2005.

8. Thông tư 42/2011/TT-NHNN ngày 15/12/2011 quy định về việc cấp tín dụng hợp vốn của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng.

9. Trần Tử Tô, Nguyễn Hải Sản (1996), *Tìm hiểu và sử dụng tín dụng thuê mua*, Nxb. Trẻ Tp. Hồ Chí Minh.

tiếp theo trang 9

3. Mô phỏng lập trình tài chính để quản lý tỷ lệ tín dụng trên GDP năm 2015

Các giả định đầu vào (kịch bản 1): (i) Trên cơ sở các mô hình kinh tế lượng, GDP được dự báo tăng trưởng 6,2%; (ii) Lạm phát xấp xỉ 3%; (iii) Cán cân thanh toán thặng dư 5 tỷ USD; (iv) Bội chi ngân sách ở mức 226 nghìn tỷ đồng, tương đương 5% GDP. Kết quả tính toán thể hiện ở Bảng 1.

Như vậy, với mức tăng trưởng tín dụng là 14,3%, tổng tín dụng năm 2015 sẽ là 4.538.123 tỷ đồng. Tương ứng với mức tăng 6,2%, GDP năm 2015 ước tính đạt 4.182.003 tỷ đồng.

SUMMARY

Accounting for syndicated leasing in Viet Nam

Among the methods of financial leasing, the syndicated leasing method is applied commonly by companies in countries with developed leasing industry because of its advantages like minimizing credit risk, reducing capital burden, especially in the case of the high value leasing contract; and expanding financial leasing market. In Vietnam, since the promulgation of Circular 08/2006/TT-NHNN on "Guidelines on syndicated financial leasing for financial leasing companies as prescribed in Decree No.16/2001/ND-CP dated 02/05/2001 and Decree No. 65/2005/ND-CP dated 19/05/2005", so far there is no specific guidance on accounting for this method. This makes it difficult for financial leasing companies when account for theirs incurred transactions. The paper aims to study the content and benefits of the syndicated leasing method, distinguish with syndicated loan, analyze the accounting situation of the syndicated leasing in Vietnam, then propose solutions to improve methods of accounting for syndicated leasing in financial leasing companies in Vietnam.

THÔNG TIN TÁC GIẢ

Trần Nguyễn Bích Hiền, Thạc sĩ

Đơn vị công tác: Đại học Thương mại

Lĩnh vực nghiên cứu chính: Kế toán- Kiểm toán

Tạp chí tiêu biểu đã có bài viết đăng tải: Tạp chí Khoa học Thương mại; Tạp chí Kiểm toán.

Email: hientranvcu@gmail.com

Do đó, tỷ lệ tín dụng trên GDP mục tiêu bằng 108,52% sẽ đảm bảo các cân đối vĩ mô của nền kinh tế. Tuy nhiên, theo kịch bản cập nhật vào tháng 6/2015 (kịch bản 2), tăng trưởng GDP đạt 6,4%, lạm phát 2,5%, bội chi ngân sách 5% GDP và cán cân thanh toán có thể chuyển sang thâm hụt nhẹ, tăng trưởng tín dụng khoảng 17,0% là các cân đối vĩ mô lớn trong nền kinh tế sẽ được bảo đảm. Khi đó, tỷ lệ tín dụng trên GDP mục tiêu là 110,87% sẽ đảm bảo cân đối vĩ mô.

Căn cứ vào tỷ lệ tín dụng trên GDP mục tiêu trên, nếu theo quan điểm phục vụ tăng trưởng kinh tế, nhà điều hành có thể chọn kịch bản 2 và phân bổ lại kế hoạch tăng trưởng tín dụng của các ngân hàng.

Như vậy, tỷ lệ tín dụng/GDP được xác định hoàn toàn phù hợp với thực trạng của nền kinh tế dựa trên cân đối vĩ mô của bốn khu vực: Khu vực kinh tế thực, khu vực công, khu vực tiền tệ- hệ thống ngân hàng và khu vực đối ngoại. Nói cách khác, lượng tín dụng được xác định như trên sẽ phù hợp với nhu cầu của nền kinh tế. NHTW sẽ dựa trên chỉ tiêu trên để giám sát an toàn vĩ mô cho toàn hệ thống ngân hàng và cũng có thể sử dụng như một chỉ tiêu cảnh báo

xem tiếp trang 47